SỞ GD& ĐT ...............**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC – NĂM HỌC 2020-2021**

Mẫu 1a

**Trường THPT ............... MÔN LỊCH SỬ - LỚP 12** (Chương trình chuẩn)

**Tổ Sử- Địa - GDCD HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2020 – 2021**

**I. Thông tin:**

1. Tổ trưởng: ...............

2. Nhóm trưởng chuyên môn: ...............

**II. Kế hoạch cụ thể:**

**HỌC KỲ I**

**Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **Tiết**  **PPCT** | **Nội dung**  **chương trình** | **Nội dung/Mạch kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức**  **dạy học** | **Ghi chú** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| 1  từ 07/9 đến 12/9/2020 | 1 | Bài 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau CTTG thứ hai (1945 – 1949). | I. Hội nghị Ianta ( 2/1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc.  II. Sự thành lập Liên Hiệp Quốc.  III. Sự hình thành 2 hệ thống xã hội đối lập. | - Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…  - Năng lực chuyên biệt:  + Năng lực tái hiện những sự kiện lịch sử thế giới trong thời kì 1945-1949  + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,  + So sánh, phân tích tình hình thế giới qua các giai đoạn lịch sử.  + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: yêu chuộng hòa bình,quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các quốc gia , giải quyết các vấn đề chung của thế giới | Dạy học trên lớp | III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập (không dạy) |
| 2 | Bài 2: Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991) – Liên bang Nga (1991 – 2000). (tiết 1) | I. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70  1. Liên Xô:  2. Các nước Đông Âu  3. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu  II. Liên Xô và các nước Đông Âu từ những năm 70 – 1991.  1. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô  2. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước  Đông Âu (không dạy)  3. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Âu:Đông.  III. Liên bang Nga (1991 -2000) | - Năng lực chung: Giao tiếp và hợp tác, tự học, giải quyết vấn đề…  - Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử với nhau, so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa, nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật ,vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. | Dạy học trên lớp | - Mục I. 2. Các nước Đông Âu  **-** Mục. I . 3 . Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu   * Mục II.1. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô * Mục II. 2. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước   Đông Âu (không dạy) |
| 2  từ 14/9 đến 19/9/2020 | 3 | Bài 2: Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991) – Liên bang Nga (1991 – 2000). (tiết 1) |
| 4 | Bài 3: Các nước Đông Bắc Á. | I. Nét chung về khu vực Đông Bắc Á  II. Trung Quốc  1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thành tựu mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959) Chỉ cần tập trung vào sự kiện: Sự thành lập và ý nghĩa của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa  2. Trung Quốc những năm không ổn định (1959 -1978)  3. Công cuộc cải cách và mở cửa (từ năm 1978) | - Năng lực chung: Giao tiếp và hợp tác, tự học, giải quyết vấn đề…  - Năng lực chuyên biệt: Thực hành bộ môn: Khai thác kênh hình có liên quan, sử dụng lược đồ.  - Phân tích các sự kiện. | Dạy học trên lớp | Mục II.1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thành tựu mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959) - Chỉ cần tập trung vào sự kiện: Sự thành lập và ý nghĩa của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa  - Mục II.2. Trung Quốc những năm không ổn định (1959 -1978)(không dạy)  - Mục II.3. Công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978)- Chỉ tập trung vào đường lối, mục tiêu, thành tựu chính |
| 3  từ 21/9 đến  26/9/2020 | 5  6 | Bài 4: Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.(tiết 1)  Bài 4: Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.(tiết 2) | I. Các nước Đông Nam Á.  1. Sự thành lập của các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  a.Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập:  b. Lào (1945 – 1975)  c. Campuchia (1945 – 1993)  2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á.  a. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.  b. Nhóm các nước Đông Dương.  c. Nhóm các nước Đông Nam Á.  3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  II. Ấn Độ:  1. Cuộc đấu tranh giành độc lập:  2. Công cuộc xây dựng đất nước: | - Năng lực chung : năng lực giao tiếp và hợp tác: tự học , giải quyết vấn đề.  - Năng lực chuyên biệt: biết khai thác kênh hình | Dạy học trên lớp | Mục I.1.b. Lào (1954 – 1975)  Mục I.1.c. Campuchia (1945 – 1993)(Chỉ tập trung vào các giai đoạn chính của cách mạng Lào và Campuchia)  Mục I. 2.a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN- (Hướng dẫn HS lập bảng về hai chiến lược phát triển của nhóm năm nước sáng lập ASEAN)  Mục I. 2.b. Nhóm các nước Đông Dương  Mục I.2.c. Các nước khác ở Đông Nam Á(Không dạy) |
| 4  từ 28/9 đến 03/10/2020 | 7 | Bài 5: Các nước Châu Phi và Mĩ Latinh. | I. Châu Phi.   1. 1.Vài nét về cuộc đấu tranhgiành độc lập 2. 2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội   II. Mỹ Latinh.   1. 1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập 2. 2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội | \* Năng lực chung: Năng lực tự hoc, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác  \* Năng lực chuyên biệt:  - Sử dụng lược đồ để xác định vị trí địa lí của các nước bị xlược và quá trình xlược của các nước thực dân đvới châu Phi và khu vực MLT TK XIX- TK XX.  -Lập bảng thống kê về phong trào giải phóng dân tộc ở hai khu vực này | Dạy học trên lớp | * Mục I.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội (Không dạy)   -Mục II.2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội (Không dạy) |
| 8 | Bài 6: Nước Mĩ. | I.Nước Mĩ từ nãm 1945-1973  II.Nước Mĩ từ nãm 1973 ðến nãm 1991  III.Nýớc Mĩ từ nãm 1991 ðến nãm 2000 | - Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp.  - Năng lực chuyên biệt:  + Nhận thức khách quan và toàn diện hơn về nước Mĩ và con người Mĩ  + Năng lực thực hành bộ môn: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Mĩ và sự phát triển khoa học công nghệ của Mĩ  +Năng lực so sánh, phân tích tình hình kinh tế, thành tựu KHKT cuả Mĩ qua các giai đoạn  +Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: Ý thức hơn về trách nhiệm của tuổi trẻ ngày nay đối với công cuộc hiện đại hóa đất nước đứng trước một nước như Mĩ | Dạy học trên lớp | Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn(Không dạy) |
| 5  từ 05/10 đến 10/10/2020 | 9 | Bài 7: Tây Âu. | I.Tây Âu từ 1945-1950  II.Tây Âu từ nãm 1950 ðến nãm 73  III.Tây Âu từ năm 1973 đến năm 1991  IV.Tây Âu từ năm 1991 đến năm 2000  IV. Liên Minh Châu Âu (EU) | - Nãng lực chung: Nãng lực giao tiếp và hợp tác, tự học, giải quyết vấn ðề, sáng tạo.  -Nãng lực chuyên biệt: Thực hành bộ môn lịch sử: Khai thác và sử dụng kênh hình có liên quan tới bài học, sử dụng lýợc ðồ, ứng dụng công nghệ thông tin.  - Nãng lực liên hệ lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, liên hệ các vấn ðề lịch sử ðối với các vấn ðề ngày nay, mối týõng quan giữa lịch sử và hiện tại. | Dạy học trên lớp | Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn(Không dạy) |
| 10 | Bài 8: Nhật Bản. | I. Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1952  II. Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973  III. Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000 | - Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp.  - Năng lực chuyên biệt:  + Nhận thức khách quan và toàn diện hơn về nước Nhật và con người Nhật  + Năng lực thực hành bộ môn: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Nhật và sự phát triển khoa học công nghệ của Nhật  +Năng lực so sánh, phân tích tình hình kinh tế, thành tựu KHKT cuả Nhật qua các giai đoạn | Dạy học trên lớp | Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn(Không dạy) |
| 6  từ 12/10 đến 17 /10/2020 | 11  12 | Bài 9: Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh. (tiết 1)  Bài 9: Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh. (tiết 2) | I. Mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh.  II. Sự đối đầu Đông -Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ  III. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt.  IV. Thế giới sau “Chiến tranh lạnh”. | - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác trong làm việc nhóm  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Diễn đạt trình bày ý kiến, nhận định của bản thân  - Năng lực vận dụng kiến thức sử học vào trong cuộc sống  - Năng lực khai thác kênh hình, sử dụng bản đồ, lập bảng so sánh… | Dạy học trên lớp | -Mục II. Sự đối đầu Đông -Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ(Không dạy)  -Mục IV. Thế giới sau Chiến tranh lạnh(Tích hợp với phần II bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000) |
| 7  từ 19/10 đến 24/10/2020 | 13 | Bài 10: Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX. | I. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ  1. Nguồn gốc và đặc điểm  2. Những thành tựu tiêu biểu  II. Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó. | Năng lực chung: giao tiếp, hợp tác, tự học, giải quyết vấn đề, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác tài liệu học tập ngoài SGK...  Năng lực riêng  - Tổng hợp, liên hệ, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử.  - So sánh, đối chiếu.  - Vẽ bảng biểu, niên biểu.  - Thuyết trình. | Dạy học trên lớp | Mục I. 2. Những thành tựu tiêu biểu(Hướng dẫn HS đọc thêm) |
| 14 | Bài 11: Tổng kết Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000. | I. Những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ sau 1945.  II. Xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh | - Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…  - Năng lực chuyên biệt:  + Biết tổng kết các vấn đề lịch sử qua các giai đoạn lịch sử  + So sánh, phân tích, nêu tác động của các vấn đề lịch sử thế giới trong thời kì lịch sử hiện đại từ năm 1945 đến 2000 | Dạy học trên lớp |  |
| 8  từ 26 đến  31 /10/20 | 15 | Kiểm tra 1 tiết |  |  |  |  |
| 16 | Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến 1925. (tiết 1) | 1. Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất  1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp  2 Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp.  3. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam  II. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925  1. Hoạt động của Phan Bội  2. Hoạt động của tư sản dân tộc, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam  3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc | - Năng lực chung : năng lực tự học , năng lực sáng tạo ,năng lực giao tiếp ,hợp tác ,năng lực giải quyết vấn đề .  - Năng lực chuyên biệt:  + Tái hiện những chính sách kinh tế , các giai cấp xã hội , các hoạt động Nguyễn Ái Quốc  + Năng lực thực hành bộ môn : sưu tầm tranh ảnh , tư liệu , mẫu chuyện về hoạt động Phan Bội Châu ,phan châu Trinh ,NAQ …  + So sánh vai trò của các PBC,PCT ,NAQ trong quá trình tìm đường cứu nước .  + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống : giữ gìn ý thức truyền thống yêu nước ,nâng cao ý thức học tập ,lao động phát triển kinh tế trong giai đoạn hiện nay | Dạy học trên lớp | -Mục I.2 Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp.  - Mục II.1. Hoạt động của Phan Bội (Khuyến khích học sinh tự đọc)  Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài (Khuyến khích học sinh tự đọc) |
| 9  từ 02/11 đến  07 /11/20 | 17 | Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến 1925. (tiết 2) |
| 18 | Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1925 đến 1930. (tiết 1) | I. Sự ra ðời và hoạt ðộng của ba tổ chức cách mạng.  1.Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.  2. Tân Việt Cách mạng đảng.Đọc thêm  3.Việt Nam Quốc dân ðảng.  II. Ðảng cộng sản Việt Nam ra ðời  1.Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản nãm 1929  2.Hội nghị thành lập Ðảng Cộng sản Việt Nam | - Năng lực chung:  + Hợp tác...  + Giao tiếp,làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét…  - Năng lực chuyên biệt: Thuyết trình, sưu tầm tranh ảnh…khai thác kênh hình.. | Dạy học trên lớp |  |
| 10  từ 09/11 đến  14 /11/20 | 19 | Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1925 đến 1930. (tiết 2) |
| 10  từ 09/11 đến  14 /11/20 | 20 | Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1925 đến 1930. (tiết 3) |
| 11  Từ 16/11 đến  21/11/2020 | 21 | Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 – 1935. (tiết 1) | I .Việt Nam trong những năm 1929 - 1933:  1.Tình hình kinh tế:  2.Tình hình xã hội:  II. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh.  1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931  2. Xô viết Nghệ - Tĩnh.  3. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10-1930)  4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931.  III. Phong trào cách mạng trong những năm 1932 – 1935 | - Năng lực chung:  + Giao tiếp và hợp tác, tự học, giải quyết vấn đề  + Làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét  - Năng lực chuyên biệt: Thuyết trình, sưu tầm tranh ảnh…khai thác kênh hình…. | Dạy học trên lớp | Mục III. Phong trào cách mạng trong những năm 1932 – 1935(Không dạy) |
| 11  Từ 16/11 đến  21/11/2020 | 22 | Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 – 1935 (tiết 2) |
| 12  từ 23/11 đến  28 /11/2020 | 23 | Bài 15: Phong trào dân chủ 1936 – 1939. | I. Tình hình thế giới và trong nước  1.Tình hình thế giới:  2. Tình hình trong nước.  II. Phong trào dân chủ 1936-1939.  1. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7/1936.  2 Những phong trào đấu tranh tiêu biểu.  a. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.  b. Đấu tranh nghị trường;  c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí  3. Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936-1939. | - Năng lực chung:Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…  - Năng lực chuyên biệt:  + Tái hiện được những thành quả mà nhân dân ta đã đạt được trong giai đoạn 1936-1939  + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm tư liệu, tranh ảnh các cuộc đấu tranh của nhân dân ta 1936-1939  + So sánh, phân tích sự khác nhau giữa 2 thời kì đấu tranh 1930-1931 với 1936-1939  + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: ý thức giữ gìn bảo vệ Tổ quốc, nâng cao ý thức học tập, lao động để phát triển đất nước trong thời đại hiện nay. | Dạy học trên lớp | -Mục I.2.Tình hình trong nước(Chỉ khái quát nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội; không chi tiết các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp)  -Mục II.2. phần b. Đấu tranh nghị trường; c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí(Hướng dẫn HS đọc thêm) |
| 12  từ 23/11 đến  28 /11/2020 | 24 | Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. (tiết 1)  Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. (tiết 2) | I. Tình hình Việt Nam trong những năm (1939 - 1945)  1. Tình hình chính trị  2.Tình hình kinh tế  II.Phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 3 năm 1945  1.Hội nghị BCH Đảng cộng sản Đông Dương (11/1939)  2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới  3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo Cách mạng, Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương (5 -1941)  4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền  III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.  1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8 - 1945)  2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa.  3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945  IV. Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà được thành lập (2 - 9 -1945)  V. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng tám năm 1945 | - Năng lực chuyên biệt: Khai thác và sử dụng các kênh hình có liên quan đến bài.  - Năng lực tổng hợp, liên hệ, so sánh, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử. | Dạy học trên lớp | Mục II.2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới(Khuyến khích học sinh tự đọc) |
|  |  |
| 13  từ 30/11 đến  05 /12/2020 | 25 |
| 13  từ 30/11 đến  05 /12/2020 | 26 | Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. (tiết 3)  Bài 17: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2/9/1945 đến trước 19/12/1946.(tiết 1) |  |
| 14  từ 07/12 đến 12/12/20 | 27 | Bài 17: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2/9/1945 đến trước 19/12/1946.(tiết 1) | I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945  II. Býớc ðầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn ðói, nạn dốt và khó khãn về tài chính.  III. Ðấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng:  1.Kháng chiến chống Pháp trở lại xâm lýợc ở Nam Bộ:  2. Ðấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc:  3. Hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta: | - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  - Năng lực chuyên biệt: Thực hành bộ môn: Khai thác kênh hình; vẽ sơ đồ; lập bảng so sánh; sử dụng lược đồ . | Dạy học trên lớp |  |
| 14  từ 07/12 đến 12/12/20 | 28 | Bài 17: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2/9/1945 đến trước 19/12/1946.(tiết 2) |
| 15  từ 14/12 đến 19/12/20 | 29 | Bài 18: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950). (tiết 1) | I. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ  1. Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta.  2. Đường lối kháng chiến của Đảng:  II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị và việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.  1.Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ.tuyến 16  2. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.  III. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 và việc đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện  1.Chiến dich Việt Bắc thu - đông 1947  2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.  IV- Hoàn cảnh lịch sử mới và chiến dịch thu – đông 1950  1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến  2. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 | - Năng lực chung: Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấnđề…  - Năng lực chuyên biệt:  + Hình thành năng lực tái hiện sự kiện lịch sử qua các chiến dịch lớn 1947,1950.  + Hình thành thực hành bộ môn: sưu tầm tư liệu thơ-văn, tranh ảnh có liên quan  + Vận dụng kiến thức để hiểu được v́ sao ta phải đánh Pháp.  + So sánh được bước phát triển về nghệ thuật của quân ta qua các chiến dịch... | Dạy học trên lớp | * Mục II.2.Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài (Không dạy)   -Mục III.2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn diện (Không dạy) |
| 15  từ 14/12 đến 19/12/20 | 30 | Bài 18: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950). (tiết 2) |
|  |  |  |
| 16  từ 21/12 đến  26 /12/20 | 31 | Bài 19: Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953). | I. Thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương:  1.Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh:  2. Kế hoạch Đờ Lát đờ Tatxinhi:  II. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951)  III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt:  IV. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên chiến trường (không dạy) | - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  - Năng lực chuyên biệt: Thực hành bộ môn: Khai thác kênh hình; vẽ sơ đồ; lập bảng so sánh; | Dạy học trên lớp | Mục III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt(Chỉ tập trung sự kiện chính về chính trị, kinh tế)  Mục IV. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên  chiến trường (Không dạy) |
| 16  từ 21/12 đến  26 /12/20 | 32 | Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954). (tiết 1)  Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954). (tiết 2)  Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954). (tiết 3) | I. Âm mưu mới của Pháp - Mĩ ở Đông Dương: Kế hoạch Nava  II. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.  1. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954  2. Chiến dịch lịch sử Điện biên Phủ (1954)  III. Hiệp định Giơ ne vơ 1954  1. Hội nghị Giơnevơ(Giảm tải)  2. Hiệp định Giơnevơ.  IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghiaxlichj sử của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954 | -Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác ;năng lực tự học; giải quyết vấn đề, năng lực phát hiện và năng lực sáng tạo…  -Năng lực chuyên biệt: Khai thác kênh hình,vấn đáp, thuyết trình,sử dụng bản đồ  + Năng lực tái hiện các sự kiện lịch sử ….  + Năng lực thực hành bộ môn: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, thơ ca….  + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: Nâng cao ý thức học tập, lao động bảo vệ tổ quốc trong thời đại hiện nay. | Dạy học trên lớp | Mục III. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lặp lại hòa bình ở Đông Dương (Tập trung vào nội dung, ý nghĩa, hạn chế của Hiệp định Giơnevơ) |
| 17  từ 28/12 đến  02 /1/2021 | 33,  34 |
| 18  từ 04/1 đến  09 /1/2021 | 35 | Ôn tập, Kiểm tra HKI |  |  |  |  |
| 36 | KIỂM TRA CUỐI KÌ |  |  |  |  |

**HỌC KÌ II**

**Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **Tiết**  **PPCT** | **Nội dung**  **chương trình** | **Nội dung/Mạch kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức**  **dạy học** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **19**  từ 18/1 đến 23/1/2021 | 37  38  39 | Bài 21: Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965). (tiết 1) | I. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ nãm 1954 về Ðông Dương  II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng ðất, khôi phục kinh tế, cải tạo QHSX (1954-1960)  1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1957)  a. Hoàn thành cải cách ruộng đất.  b.Khôi phục kinh tế, hàng gắn vết thương chiến tranh.  2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bướcc đầu phát triển kinh tế- xã hội (1958-1960).  III. Miền Nam ðấu tranh chống chế ðộ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lýợng cách mạng, tiến tới “Ðồng khởi” (1954-1960).  1. Ðấu tranh chống chế ðộ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lýợng cách mạng (1954-1959) (ðọc thêm)  2. Phong trào “Ðồng khởi” (1959-1960)  IV. Miền Bắc xây dựng býớc ðầu cõ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH (1961-1965)  1. Ðại hội Ðại biểu toàn quốc lần thứ III của Ðảng (9/1960)  2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 nãm lần thứ nhất (1961-1965)  V. Miền Nam chiến ðấu chống chiến lýợc “Chiến tranh ðặc biệt” của ðế quốc Mỹ (1961-1965)  1. Chiến lược “Chiến tranh ðặc biệt”của Mĩ ở miền Nam.  2. Miền Nam chiến ðấu chống chiến lýợc "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. | - Nãng lực chung:  + Hợp tác, giao tiếp,làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét……  - Nãng lực chuyên biệt: Sưu tầm tranh ảnh…khai thác kênh hình,sử dụng bản đồ…so sánh, phân tích | Dạy học trên lớp | -Mục II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954-  1960)(Khuyến khích học sinh tự đọc)  - Mục III.1. Đấu tranh chống chế  độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954- 1959)(Khuyến khích học sinh tự đọc)  -Mục IV.2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965)(Khuyến khích học sinh tự đọc) |
| **20**  từ 25/1-30/1/2021 | Bài 21: Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965). (tiết 2) |
| **21**  từ 01/2 -06/2/2021 | Bài 21: Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965). (tiết 3) |
| **22**  từ 8,9/2 và 17/2 đến 20/2/2020 | 40  41  42 | Bài 22: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược.Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973).  (tiết 1) | I. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam (1965 – 1968).  1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam  2. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ.  2. Cuộc Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968  II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 – 1968)  1. Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc  2. Miền Bắc vừa chiến đấu, vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương  III. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ (1969-1973)  1. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ  2. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ.  IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969 – 1973)  1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội  2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương  V. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam | - Nãng lực chung  + Hợp tác, giao tiếp,làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét……  -Năng lực chuyên biệt: Khai thác kênh hình,vấn đáp, thuyết trình,sử dụng bản đồ  + Năng lực tái hiện các sự kiện lịch sử ….  + Năng lực thực hành bộ môn: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, thơ ca…. | Dạy học trên lớp | -Mục I.2. Chiến đấu chống chiến  lược ‘‘Chiến tranh cục bộ’’ của Mĩ (Chỉ tập trung vào chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm 1965)  - Mục I.3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 (Tập trung vào ý nghĩa cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968)  - Mục II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ  nhất của Mĩ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968)(Không dạy. Tích hợp phần vai trò của hậu phương miền Bắc sang phần IV.2)  -Mục III.2. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh của Mĩ (Không dạy “Đông Dương hóa chiến tranh” Chỉ tập trung vào thắng lợi về chính trị và ngoại giao)  -Mục III.3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 (Chỉ tập trung vào ý nghĩa của Cuộc tiến công chiến lược năm 1972)  - Mục IV.1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (Không dạy)  -Mục IV.2. Miền Bắc vừa chiến đấu  chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (Tập trung vào kết quả, ý nghĩa của trận Điện Biên Phủ trên không và vai trò của hậu phương miền Bắc)  - Mục V. Hiệp định Pari năm 1973  về chấp dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (Chỉ tập trung vào nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973) |
| **23**  từ 22/2-27/2/2021 | Bài 22: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973).  (tiết 2) |
| **24**  từ 01/3 - 06/3/2021 | Bài 22: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973).  (tiết 3) |
| **25**  (8-13/3/2021) | 43 | Bài 23: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam  (1973 – 1975). (tiết 1) | I. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế  - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam  II. Miền Nam đấu tranh chống địch “bình định – lấn chiếm” tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn.  1.  Âm mưu của Mĩ –Ngụy  2. Miền Nam chống “Bình định – lấn chiếm”  III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc  1. Chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam  2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975  Chiến dịch Tây Nguyên (4/3 => 24/3/1975)  Chiến dịch Huế- Đà Nẵng (21/3 => 29/3/1975 )  Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 => 30/4/1975)  IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) | - Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…  - Năng lực chuyên biệt:  + Năng lực tái hiện những sự kiện lịch sử trong cuộc Tổng tiến công và nỗi dậy Xuân 1975  + Năng lực thực hành bộ môn: sử dụng lược đồ, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,  + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của thê hệ trẻ trong thời đại hiện nay. | Dạy học trên lớp | -Mục I. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam (Không dạy)  - Mục II. Miền Nam đấu tranh chống địch bình định – lấn chiếm, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn (Tập trung vào sự kiện Hội nghị 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chiến thắng Phước Long) |
| **26**  (15-20/3/2021) | 44 | Bài 23: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam  (1973 – 1975). (tiết 2) |
| **27**  (22-27/3/2021) | 45 | Ôn tập |  |  |  |  |
| **28**  (29/3-3/4/2021) | 46 | Kiểm tra 1 tiết |  |  |  |  |
| **29**  (5-10/4/2021) | 47 | Lịch sử địa phương | Đôi nét về phong trào đấu tranh cách mạng của quân dân ............... từ 1930 đến 1975 | **Về kiến thức:** + Vị trí địa lí tỉnh ...............  + Nhận thức một cách khái quát về phong trào đấu tranh của quân và dân ............... từ 1930-1975 chống TD Pháp và đế quốc Mĩ, góp phần chung vào quá trình cách mạng của dân tộc. | Dạy học trên lớp  Dạy học trên lớp |  |
| 30  (12-17/4/2021) | 48 | Bài 24: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975. | I. Tình hình hai miền Bắc - Nam sau năm 1975  II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước  III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975-1976) | - Nãng lực chung:  + Hợp tác, giao tiếp,làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét……  - Nãng lực chuyên biệt:  khai thác kênh hình, so sánh, phân tích | Dạy học trên lớp  Dạy học trên lớp | Mục II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước (Không dạy) |
| **31**  (19-24/4/2021) | 49 | Bài 25. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 -1986). | I. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội.  1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới  2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)  3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985)  II. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc 1975 – 1979  1. Bảo vệ biên giới Tây Nam  2. Bảo vệ biên giới phía Bắc | - Nãng lực chung:  + Hợp tác, giao tiếp,làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét……  - Nãng lực chuyên biệt:  + khai thác kênh hình, so sánh, phân tích  - Năng lực chung: Tự học; giao tiếp; hợp tác, làm việc nhóm, thuyết trình, nhận xét… | Dạy học trên lớp | Mục I. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 -1986) (Khuyến khích học sinh tự đọc) |
| **32**  (26/4-1/5/2021) | 50 | Bài 26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên CNXH. (1986 – 2000) (Tiết 2) | I. Đường lối đổi mới của Đảng  1. Hoàn cảnh lịch sử mới  2. Đường lối đổi mới của Đảng  II- Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986- 2000)  1. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986- 1990.  2. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1991 - 1995)  3. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) | - Năng lực chung: Tự học; giao tiếp;hợp tác.  - Năng lực chuyên biệt:  ***+*** Kĩ năng so sánh; phàn tích; phản biện; khái quát hóa.  - Vì sao đất nước ta phải “đổi mới”?  - Hiểu thế nào cho đúng về công cuộc đổi mới hiện nay?  - Thế hệ trẻ phải làm gì để góp phần mình vào công cuộc đổi mới của đất nước? | Dạy học trên lớp | Mục II. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) (Khuyến khích học sinh tự đọc) |
| **33**  (3-8/5/2021) | 51 | Bài 27: Tổng kết Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000. | I. Các thời kì phát triển của lịch sử dân tộc  1. Thời kì 1919-1930  2. Thời kì 1930 -1945  3. Thời kì 1945 – 1954  4. Thời kì 1954 – 1975  5. Thời kì 1975 -2000  II. Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm | - Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…  - Năng lực chuyên biệt:  + Biết tổng kết các vấn đề lịch sử qua các giai đoạn lịch sử  + So sánh, phân tích, nêu tác động của các vấn đề lịch sử Việt nam trong thời kì lịch sử hiện đại từ năm 1919 đến 2000 | Dạy học trên lớp |  |
| **34**  (10-15/5/2021) | 52 | Ôn tập và bài tập |  |  |  |  |
| **35**  (17-22/5/2021) | 53 | Kiểm tra cuối học kì II |  |  |  |  |

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU TỔ TRƯỞNG NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**